TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 26-01-2018.
V/v tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Phước
2. Bà Trần Thị Thu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Chánh Thân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 321/2017/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T – sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc K - sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đình T – sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và trình bày của nguyên đơn, Trần Thị Thu T là: Chị T và anh K kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Mỹ. Vợ chồng sống hạnh phúc bình thường đến khi chị T sinh con thứ hai thì anh K thay đổi tính tình, đánh con, ngược đãi vợ. Chị T phải dẫn con về phía ruột sống. Nay chị T không thể tiếp tục chung sống với anh K được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Trần Ngân K – sinh ngày 05/10/2014 và Nguyễn Trần Ngọc C – sinh ngày 18/7/2017. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi hai con, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng

1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có nhà, đất tại số thửa 230, tờ bản đồ số 07 Khánh Trạch, Hoài Mỹ; xe máy Honda biển kiểm soát 77C1 – 44642 và các tài sản khác.

Khi ly hôn, chị T mong muốn được ở trong căn nhà để nuôi con và thối tiền lại cho anh K; giao xe máy biển kiểm soát 77C1-44642 cho anh K vì anh K đang quản lý, sử dụng xe này.

Về nợ chung: Nợ của ông Trần Đình T (cha của chị T) 48.148.000 đồng, chị T yêu cầu mỗi người trả một nửa số nợ.

+ Theo trình bày của bị đơn, anh Nguyễn Ngọc K là:

Về quan hệ hôn nhân như chị T trình bày là đúng. Về yêu cầu ly hôn của chị T, anh K đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung như chị T trình bày. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được nuôi con Nguyễn Trần Ngân K, giao con Nguyễn Trần Ngọc C cho chị T nuôi dưỡng. Anh K thực hiện cấp dưỡng nuôi con Ngọc C mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có nhà, đất tại số thửa 230, tờ bản đồ số 07 Khánh Trạch, Hoài Mỹ; xe máy Honda biển kiểm soát 77C1-44642 và các tài sản khác. Anh K đồng ý giao nhà cho chị T ở, chị T thối tiền lại cho anh. Anh K đồng ý nhận xe máy.

Về nợ chung: Anh K không đồng ý có nợ ông T 48.148.000 đồng và không đồng ý thực hiện việc trả nợ cho ông T.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Trần Đình Thậm là: Ông có cho anh K và chị T mượn số tiền 48.148.000 đồng để làm nhà. Nay chị T và anh K ly hôn, ông yêu cầu mỗi người trả cho ông một nửa số tiền còn nợ.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát phân tích và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh K; về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Trần Ngân K – sinh ngày 05/10/2014 và Nguyễn Trần Ngọc C – sinh ngày 28/8/2017 cho chị T nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng 750.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; về nợ chung: chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình T, buộc anh K và chị T phải trả lại cho ông T 48.148.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Ngọc K kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Mỹ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh K

đồng ý ly hôn chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh K là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh K và chị T có hai con chung là hai cháu Nguyễn Trần Ngân K – sinh ngày 05/10/2014 và Nguyễn Trần Ngọc C – sinh ngày 18/7/2017. Chị T và anh K đều có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn. Hiện tại, hai cháu Ngân K và Ngọc C đang sống chung với chị T, hai cháu có cuộc sống bình thường, ổn định. Hai cháu còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên của người mẹ. Bên cạnh đó, sau khi ly hôn, chị T có yêu cầu được ở trong căn nhà chung của vợ chồng để chăm sóc con cái, anh K cũng đồng ý giao nhà cho chị T, anh nhận tiền thối lại. Do đó, xét giao hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện cuộc sống và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu này không được anh K chấp nhận. Nhưng xét về điều kiện của anh K là người có nghề nghiệp và khả năng làm ăn sinh sống, nghĩ nên buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng 750.000 đồng như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Theo Biên bản định giá ngày 08/12/2017, tài sản chung của chị T và anh K gồm có:

+ Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 07 giá trị 300.000.000 đồng tại thôn Khánh Trạch, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ 01 ngôi nhà cấp 4, loại N5 có diện tích 91 m^2 có giá trị 194.812.800 đồng.

+ 01 mái hiên loại N8 có diện tích 06 m^2 giá trị 2.846.400 đồng.

+ 01 hệ thống chuồng nuôi cút gồm 245 chuồng giá trị: 48.750.000 đồng.

+ 01 nhà vệ sinh loại N5, diện tích 4 m^2 giá trị 9.847.680 đồng.

+ 01 hệ thống hầm ngầm nhà vệ sinh giá trị 6.486.000 đồng.

+ 01 chuồng heo giá trị 18.878.400 đồng.

+ 01 hệ thống hầm bioga giá trị 13.500.000 đồng.

+ 01 hàng rào lưới B40 có tổng giá trị 10.888.210 đồng.

+ 01 sân xi măng, diện tích 50m^2 có tổng giá trị 6.900.000 đồng.

+ 01 hệ thống điện nước trong nhà ở, nhà vệ sinh, nhà nuôi cút có tổng giá trị: 31.063.200 đồng.

+ 01 hệ thống máng nước tự động nuôi cút có giá trị 2.350.000 đồng.

+ 02 tủ ấp trứng giá trị 11.200.000 đồng.

+ Số lượng cút đang nuôi giá trị 25.000.000 đồng.

+ 01 xe máy Honda biển kiểm soát 77C1-44642 có giá 18.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông T yêu cầu vợ chồng anh K chị T ly hôn phải trả cho ông tiền nợ là 48.148.000 đồng. Yêu cầu này được chị T đồng ý nhưng anh K không thống nhất. Anh K thừa nhận chữ viết trong giấy nợ do ông Thậm cung cấp là do anh viết nhưng cho rằng số tiền này anh đã trả xong, không còn nợ. Nhưng anh K không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc nại của mình và việc nại này của

anh K không được ông T đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh K. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông T buộc anh K và chị T trả cho ông 48.148.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của anh K, chị T là: 700.522.690 đồng và nợ chung phải trả cho ông T là 48.148.000 đồng. Theo quy định của pháp luật thì chị T và anh K mỗi người được chia ½ giá trị tài sản chung là 350.261.345 đồng và ½ nợ chung phải trả là 24.074.000 đồng.

Chị T yêu cầu nhận 145 chuồng cút, giao cho anh K 100 chuồng cút và nhận 01 tủ ấp trứng, giao cho anh K 01 tủ ấp trứng còn lại. Sau khi ly hôn, chị T tiếp tục làm nghề nuôi cút, anh K hiện đang làm tài xế, nhu cầu sử dụng chuồng cút và tủ ấp trứng là chưa có nên Hội đồng xét xử thấy rằng giao toàn bộ số lượng 245 chuồng nuôi cút và 02 tủ ấp trứng cho chị T là phù hợp nhu cầu sử dụng thực tế của chị T.

Tài sản chung của vợ chồng theo Biên bản định giá ngày 08/12/2017, chị T và anh K thống nhất giao cho anh K trọn quyền sở hữu xe máy Honda biển kiểm soát 77C1-44642 giá trị 18.000.000 đồng, giao cho chị T trọn quyền sử dụng, sở hữu số tài sản còn lại có tổng cộng giá trị 682.522.690 đồng. Chị T có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho anh K là 332.261.345 đồng và trả nợ cho ông T 24.047.000 đồng. Anh K phải có trách nhiệm trả nợ cho ông T 24.047.000 đồng.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc K phải nộp 300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí chia tài sản chung: Anh K và chị T mỗi người phải nộp 17.513.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về trả nợ chung: Vì yêu cầu của ông T được chấp nhận nên anh K và chị T mỗi người phải nộp 1.204.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về chi phí định giá: Chị T và anh K phải nộp 1.500.000 đồng. Chị T đã tạm ứng đủ nên buộc anh K phải trả lại cho chị T 750.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 55, 59,81, 82, 83,84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Ngọc K được ly hôn, do thuận tình.

2/ Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Trần Ngân K - sinh ngày 05/10/2014 và Nguyễn Trần Ngọc C - sinh ngày 18/7/2017 cho chị T nuôi dưỡng.

Buộc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung, nợ chung:

- Giao cho anh Nguyễn Ngọc K sở hữu 01 xe máy biển kiểm soát 77C1-44642 giá trị 18.000.000 đồng.

- Giao cho chị Trần Thị Thu T sở hữu, sử dụng tài sản có giá trị 682.522.690 đồng cụ thể là:

+ Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 07 giá trị 300.000.000 đồng tại thôn Khánh Trạch, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH:03635 do UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 20/8/2015.

+ 01 ngôi nhà cấp 4, loại N5 có diện tích 91 m^2 có giá trị 194.812.800 đồng.

+ 01 mái hiên loại N8 có diện tích 06 m^2 giá trị 2.846.400 đồng.

+ 01 hệ thống chuồng nuôi cút gồm 245 chuồng giá trị: 48.750.000 đồng.

+ 01 nhà vệ sinh loại N5, diện tích 4 m^2 giá trị 9.847.680 đồng.

+ 01 hệ thống hầm ngầm nhà vệ sinh giá trị 6.486.000 đồng.

+ 01 chuồng heo giá trị 18.878.400 đồng.

+ 01 hệ thống hầm bioga giá trị 13.500.000 đồng.

+ 01 hàng rào lưới B40 có tổng giá trị 10.888.210 đồng.

+ 01 sân xi măng, diện tích 50m^2 có tổng giá trị 6.900.000 đồng.

+ 01 hệ thống điện nước trong nhà ở, nhà vệ sinh, nhà nuôi cút có tổng giá trị: 31.063.200 đồng.

+ 01 hệ thống máng nước tự động nuôi cút có giá trị 2.350.000 đồng.

+ 02 tủ ấp trứng giá trị 11.200.000 đồng.

+ Số lượng cút đang nuôi giá trị 25.000.000 đồng.

- Chị T thối lại cho anh K số tiền là: 332.261.345 đồng.

- Chị T trả cho ông Trần Đình T 24.047.000 đồng.

- Buộc anh Khoa phải trả cho ông Trần Đình T 24.047.000 đồng.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* sung công quỹ Nhà nước. Chị T đã nộp xong theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003684 ngày 15 tháng 11 năm 2017

6/ Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc K phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* sung công quỹ Nhà nước.

7/ Về án phí chia tài sản chung: Anh K và chị T mỗi người phải nộp 17.513.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Chi T đã nộp 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003659 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài

Nhơn nên được khấu trừ. Số tiền còn lại chị T phải tiếp tục nộp là 16.513.000 đồng

8/Án phí dân sự sơ thẩm về trả nợ chung: Anh K và chị T mỗi người phải nộp 1.204.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

9/ Về chi phí định giá: Chị T và anh K phải nộp 1.500.000 đồng. Chị Thoa đã tạm ứng đủ nên buộc anh K phải trả lại cho chị T 750.000 đồng.

Ông Trần Đình T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông T 1.204.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003684 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30, Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự.*
- *TAND tỉnh Bình Định.*
- *VKSND huyện Hoài Nhơn.*
- *Chi cục THADS huyện Hoài Nhơn.*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hương

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Phước ***Trần Thị Thu Thanh*** **Nguyễn Văn Hương**

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Hữu Phước	Trần Thị Thu Thanh	Nguyễn Văn Hương